

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HS-ST
Ngày: 20/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Thành Thông
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2024/TLST-HS ngày 31/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HS ngày 07/3/2024 đối với bị cáo:

Triệu Chí H, sinh năm 1989 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số A, khu phố C, phường A, thành Phố B, tỉnh Bến Tre**; Trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Triệu Văn H1**, sinh năm 1955 và bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1958; vợ: **Nguyễn Thanh N**, sinh năm: 1983; con: có 01 người con sinh năm 2018; tiền sự: không; tiền án: không; nhân thân: ngày 17/01/2024, bị **Công an thành phố B** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 04/6/2023 (Quyết định số 06/QĐ-XLHC); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2023 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. **Nguyễn Thị Lan V**, sinh năm 1997; nơi cư trú: **số C, ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre**. Có mặt

2. **Ngô Kim O**, sinh năm 1979; nơi cư trú: **số B, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. **Phạm Minh Luân V1**, sinh năm 1976; nơi cư trú: **số A, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Có mặt

2. **Trần Mạnh S**, sinh năm 1981; nơi cư trú: **số C, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre**. Có mặt

- Người làm chứng: **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1958; nơi cư trú: **số A, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 31/5/2023, Triệu Chí H điều khiển mô tô Biển số 79L7-6721 đi trên đường Đ theo hướng từ Phường E về Phường F, thành phố B, đến đoạn trước cổng Bệnh viện N1 thuộc địa phận khu phố B, Phường E, thành phố B, H thấy chị Nguyễn Thị Lan V, sinh năm 1997, ĐKTT tại: Số C, ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre đi bên lề trái cùng chiều với H đang cầm điện thoại di động ở tay phải để xem điện thoại, nên H nảy sinh ý định cướp giật điện thoại của chị V. H điều khiển xe sát lề trái tiếp cận chị V và dùng tay trái giật lấy điện thoại của chị V rồi tăng ga xe tẩu thoát. H mang điện thoại về nhà, tháo ốp lưng điện thoại ra đến gặp Phạm Minh L V1, sinh năm 1976, ĐKTT tại Số A, Khu phố C, phường A, thành phố B là người cùng xóm gạ bán điện thoại cho V1 với giá 600.000 đồng. Tưởng là điện thoại của H nên V1 đồng ý mua với giá 600.000 đồng. Cơ quan điều tra mời V1 làm việc thì V1 đã khai nhận mua điện thoại của H và giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng hồng, số IMEI 1: 865251038950435 và số IMEI 2: 865251038950427.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1036/KL-HĐĐG ngày 13/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, tỉnh Bến Tre kết luận: điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng hồng, số IMEI 1: 865251038950435 và số IMEI 2: 865251038950427 đã qua sử dụng có trị giá tài sản ngày 31/5/2023 là 650.000 đồng và 01 ốp lưng điện thoại đã qua sử dụng có trị giá tài sản ngày 31/5/2023 là 10.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị can H chiếm đoạt của bị hại V là 660.000 đồng

Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ 50 phút ngày 03/6/2023, Triệu Chí H điều khiển mô tô Biển số 79L7-6721 đi trên đường Đ theo hướng từ Phường E về Phường F, thành phố B, đến khu phố B, Phường F, thành phố B thấy chị Ngô Kim O, sinh năm 1979, ĐKTT tại: Số B, khu phố B, Phường F, thành phố B đang đẩy xe lăn, trên xe lăn có mẹ ruột chị O ngồi đi vào hẻm T, khu phố B, Phường F thành phố B trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền vàng nên H nảy sinh ý định cướp giật sợi dây chuyền vàng của chị O. H điều khiển xe đi vào hẻm theo sau chị O sau đó vượt qua rồi vòng xe, chạy ngược lại để ra đầu hẻm khi đến ngang chị O thì H dùng tay trái giật sợi dây chuyền vàng của chị O nhưng không được, chị O truy hô nên H tăng ga xe tẩu thoát. Chị O trình báo Công an thành phố B và giao nộp vật chứng là sợi dây chuyền vàng.

Tại Bản kết luận giám định Số 6335/KL-KTHS ngày 07/11/2023 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mặt dây chuyền hình Quan âm màu xanh có bọc kim loại màu vàng xung quanh, tổng khối lượng 23,2338 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần chủ yếu là V2 (A): 65,79%, D1 (Cu): 20,51%, B (A1): 13,65%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1018/KL-HĐĐG ngày 07/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, tỉnh Bến Tre kết luận: sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mặt dây chuyền hình Quan âm màu xanh có bọc kim

loại màu vàng xung quanh, tổng khối lượng 23,2338 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần chủ yếu là **V2 (A)**: 65,79%, **Đ1** (Cu): 20,51%, **B (A1)**: 13,65% có giá mua vào ngày 03/6/2023 là 21.665.000 đồng.

Vật chứng thu giữ của bị cáo gồm: 01 xe mô tô Biển số 79L7-6721 nhãn hiệu FATAKI, loại xe: nữ, màu xe đỏ-đen; số khung: N6H003376; số máy: FMH-30003376; 01 nón kết màu đỏ đen trên nón có chữ NIKE màu trắng; 01 nón bảo hiểm màu xanh đen; 01 khẩu trang y tế màu hồng; 01 áo khoác màu xanh đen tay dài có chữ SPORTS màu trắng; Số tiền 300.000 đồng (đang tạm giữ tại **Kho bạc Nhà nước tỉnh B**) là đồ vật, tài sản của bị cáo **H** nên tiếp tục tạm giữ để xử lý theo luật định.

Quá trình điều tra, **Triều Chí H** khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập. Tại cáo trạng số 15/CT-VKSTPBT ngày 31/01/2014 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Về hình phạt chính: áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 04 đến 05 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại **V** điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng hồng; trả lại cho bị hại **O** sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mặt dây chuyền mẹ Quan Âm màu xanh có bọc kim loại màu vàng xung quanh, các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Ghi nhận **Phạm Minh Luân V1** không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 600.000 đồng.

Giao cho Công an thành 01 xe mô tô Biển số 79L7-6721 nhãn hiệu FATAKI, loại xe: nữ, màu xe đỏ-đen.

Tịch thu tiêu hủy: 01 nón kết màu đỏ đen trên nón có chữ NIKE màu trắng; 01 nón bảo hiểm màu xanh đen; 01 khẩu trang y tế màu hồng; 01 áo khoác màu xanh đen tay dài có chữ SPORTS màu trắng;

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước cho bị cáo số tiền 300.000 đồng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Đối với các tài sản thu giữ của bị cáo thì bị cáo không yêu cầu nhận lại. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Chị **Nguyễn Thị Lan V** trình bày: Việc bị cáo cướp giật tài sản của chị như bị cáo trình bày. Chị đã nhận lại tài sản, về trách nhiệm dân sự chị không có yêu bị cáo bồi thường, về trách nhiệm hình sự chị yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Anh **Phạm Minh Luân V1** trình bày: anh có mua điện thoại của bị cáo như cáo trạng nêu, khi bị cáo bán điện thoại cho anh bị cáo nói là điện thoại của bị cáo. Anh

không biết điện thoại do bị cáo phạm tội mà có. Anh không yêu cầu bị cáo trả lại tiền mua điện thoại cho anh.

Anh **Trần Mạnh S** trình bày: anh là anh rể của bị cáo, xe mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội là của anh cho bị cáo mượn để đi làm. Anh không biết bị cáo dùng xe để phạm tội. Xe này là anh mua xe cũ của người khác nhưng chưa sang tên và anh cũng không có làm giấy tờ mua bán xe. Anh yêu cầu được nhận lại xe.

Bà **Phạm Thị Đ** trình bày: bà là mẹ của bị cáo, bị cáo có 01 người con sinh năm 2018 hiện đang sống với vợ của bị cáo ở Long An.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: **Triệu Chí H** sử dụng xe mô tô Biển số 79L7-6721 mượn của anh **Trần Mạnh S** thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người đi đường trên địa bàn **thành phố B** cụ thể: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 31/5/2023, trên **đường Đ ở Khu phố B, Phường E, thành phố B** **H** có hành vi cướp giật điện thoại di động hiệu OPPO có ốp lưng điện thoại của chị **Nguyễn Thị Lan V** có giá trị 660.000 đồng. Khoảng 08 giờ 50 phút ngày 03/6/2023, trên **đường H ở Tổ N, khu phố B, Phường F thành phố B** **H** có hành vi cướp giật sợi dây chuyền vàng, mặt dây chuyền hình quan âm màu xanh có bọc kim loại màu vàng của chị **Ngô Kim O** có giá trị 21.665.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 22.225.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã sử dụng xe mô tô Biển số 79L7-6721 áp sát các bị hại để cướp giật tài sản của các bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát. Bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm là điều khiển xe mô tô áp sát bị hại để giật tài sản rồi tăng ga bỏ chạy gây nguy hiểm cho bị hại và những người tham gia giao thông nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài

sản” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo phải chịu tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên” và “Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” theo quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, khi giật dây chuyền của bị hại O bị cáo chưa lấy được tài sản nên cần áp dụng tình tiết “Phạm tội chưa đạt” quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại V điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng hồng; trả lại cho bị hại O sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mặt dây chuyền hình quan âm màu xanh có bọc kim loại màu vàng xung quanh, các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Ghi nhận Phạm Minh Luân V1 không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 600.000 đồng.

Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B 01 xe mô tô Biển số 79L7-6721 nhãn hiệu FATAKI, loại xe: nữ, màu xe đỏ - đen; số khung: N6H003376; số máy: FMH-30003376 để xác minh làm rõ chủ sở hữu để xử lý theo thẩm quyền.

Tịch thu tiêu hủy: 01 nón kết màu đỏ đen trên nón có chữ NIKE màu trắng; 01 nón bảo hiểm màu xanh đen; 01 khẩu trang y tế màu hồng; 01 áo khoác màu xanh đen tay dài có chữ SPORTS màu trắng là các tài sản của bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội và bị cáo không có yêu cầu nhận lại.

Đối với số tiền 300.000 đồng bị cáo khai là tiền còn lại khi bị cáo bán điện thoại của bị hại cho anh Phạm Minh L V1, anh V1 và bị cáo không nhận số tiền này nên tịch thu nộp Ngân sách nhà nước là phù hợp.

[8] Đối với Phạm Minh Luân V1 là người mua điện thoại di động do H bán nhưng anh V1 không biết điện thoại là do bị cáo phạm tội mà có; đồng thời, anh V1 đã giao nộp lại điện thoại để trả cho bị hại nên cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Đối với Trần Minh S1 là người cho bị cáo mượn xe

mô tô Biển số 79L7-6721 nhưng anh **S1** không biết **H** dùng xe đi phạm tội nên cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Triệu Chí H** phạm tội “Cướp giật tài sản”;

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Triệu Chí H** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2023.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** 01 xe mô tô Biển số 79L7-6721 nhãn hiệu FATAKI, loại xe: nữ, màu xe đỏ - đen; số khung: N6H003376; số máy: FMH-30003376 để xác minh làm rõ chủ sở hữu và xử lý theo thẩm quyền.

Tịch thu tiêu hủy: 01 nón kết màu đỏ đen trên nón có chữ NIKE màu trắng; 01 nón bảo hiểm màu xanh đen; 01 khẩu trang y tế màu hồng; 01 áo khoác màu xanh đen tay dài có chữ SPORTS màu trắng.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo **Triệu Chí H** phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P.An Hội, TP.BT (1b);
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ (5b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình